

BÁO CÁO NHANH
Tình hình sản xuất nông nghiệp
(Đến ngày 15 tháng 01 năm 2024)

1. Kết quả sản xuất chủ yếu
a) Sản xuất lúa

STT	Địa phương	Vụ Đông Xuân 2023-2024				Vụ Mùa 2023-2024			
		Kế hoạch (ha)	DT gieo sạ (ha)	Thu hoạch		Kế hoạch (ha)	DT gieo sạ (ha)	Thu hoạch	
				DT (ha)	NS (tấn/ha)			DT (ha)	NS (tấn/ha)
01	Tp. Hà Tiên					500	545	220	4,80
02	Giang Thành	29.100	29.150			200	280	280	5,20
03	Kiên Lương	23.000	23.000						
04	Hòn Đất	79.500	79.996						
05	Tp. Rạch Giá	5.400	5.399						
06	Châu Thành	19.040	19.030						
07	Tân Hiệp	36.598	36.598						
08	Giồng Riềng	46.650	46.679						
09	Gò Quao	25.000	25.206			1.500	1.902		
10	An Biên	4.862	5.618			23.000	20.518	16.800	5,70
11	An Minh					25.000	27.068	24.361	5,20
12	Vĩnh Thuận	3.350	3.260	475	5,70	13.400	14.130	13.488	5,70
13	UM.Thượng	6.500	6.329	854	5,70	7.400	7.951	2.747	5,70
Tổng cộng		279.000	280.265	1.330	5,76	71.000	72.395	57.896	5,48

b) Sản xuất vụ nuôi tôm nước lợ năm 2024

TT	Địa phương	Kế hoạch (ha)	Diện tích (ha)				Sản lượng thu hoạch (tấn)
			Tổng số	Trong đó			
				Nuôi CN	Tôm lúa	Tôm QCCT	
01	Tp. Hà Tiên	2.460	315	5		310	
02	Kiên Lương	8.300	370	50		320	
03	Giang Thành	3.400	505	5		500	
04	Hòn Đất	4.150	154	4		150	
05	An Biên	25.940	795		530	265	
06	An Minh	47.850	2.963		1.021	1.942	
07	Vĩnh Thuận	9.300	1.540		1.540		
08	UM.Thượng	30.400	52		52		
09	Gò Quao	4.200	32		12	20	
Tổng cộng		136.000	6.726	64	3.155	3.507	
<i>Đạt KH (%)</i>			<i>4,94</i>	<i>1,39</i>	<i>2,95</i>	<i>14,27</i>	
<i>Cùng kỳ (%)</i>			<i>53,13</i>	<i>106,67</i>	<i>34,86</i>	<i>98,79</i>	

2. Tình hình chung

- **Lúa vụ Mùa 2023-2024:** Diện tích gieo trồng được 72.395/71.608 ha, đạt 101,96% kế hoạch. Thu hoạch được 57.896 ha, đạt 79,97% diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 5,48 tấn/ha, sản lượng 317.269 tấn

- **Lúa vụ Đông Xuân 2023-2024:** Diện tích gieo trồng được 280.265 ha/279.000 ha, đạt 100,45 %. Thu hoạch được 1.330 ha, năng suất bình quân ước đạt 5,76 tấn/ha, sản lượng 7.666 tấn.

- **Vụ nuôi tôm nước lợ năm 2024:** Diện tích thả nuôi được 6.726 ha/136.000 ha, đạt 4,94% kế hoạch và đạt 95,04% so cùng kỳ. Trong đó, diện tích nuôi tôm công nghiệp 64 ha; nuôi tôm quảng canh-quảng canh cải tiến 3.507 ha và nuôi tôm - lúa 3.155 ha.

3. Tình hình sinh vật gây hại trên lúa

Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh trên lúa Đông Xuân và Mùa 2023-2024 là 8.754 ha (tăng 3.787 ha so với tuần trước). Trong đó, diện tích nhiễm trên lúa Đông Xuân 2023-2024 là 8.022 ha và Mùa 2023-2024 là 732 ha. Các đối tượng dịch hại bao gồm: Bệnh đạo ôn lá: diện tích nhiễm trên lúa Đông Xuân và Mùa 2023-2024 là 6.400 ha (tăng 5.021 ha so tuần trước). Trong đó, diện tích nhiễm trên lúa Đông Xuân là 6.252 ha, trên lúa Mùa là 148 ha; Bệnh lem lép hạt diện tích nhiễm trên lúa Đông Xuân và Mùa 2023-2024 là 736 ha (tăng 184 ha so tuần trước). Trong đó, diện tích nhiễm trên lúa Đông Xuân là 371 ha và trên lúa Mùa là 365 ha. Ngoài ra các đối tượng gây hại: Rầy nâu, cháy lá, đạo ôn cổ bông, chuột, OBV, muỗi hành, tuyến trùng, rầy phấn trắng, vàng lùn, vàng lá chín sớm,... xuất hiện và gây hại ở mức rải rác đến nhẹ, không ảnh hưởng đến sinh trưởng cây lúa.

4. Thông tin thị trường

- Lúa thường (tươi): 9.600-9.800đ - Heo hơi: 52.000đ-55.000 đ - Urê: 10.400-10.600đ
- Lúa CLC (tươi): 9.800-10.000đ - Tôm sú (30c/kg): 175.000đ-180.000đ - NPK (16-16-8): 15.500đ
- Gạo thường: 15.000đ-16.500đ - Tôm thẻ (100c/kg): 80.000đ-85.000đ - NPK (20-20-15): 20.500đ
- Gạo CLC: 16.000đ-18.000đ - Cá bớp: 155.000-160.000đ. - KCL: 15.000 đ - DAP: 21.000đ

Nơi nhận:

- Cục trồng trọt (I+II), Vụ nuôi trồng TS;
- TT Tin học & Thống kê (Bộ NN);
- VP.TU, VP.UBND tỉnh;
- Cục Thống kê, Sở KH-ĐT, Sở Công Thương;
- BGĐ Sở;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, Tp;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KH-TC, hngoc.



Trần Công Danh